

ỨNG DỤNG GIÁO DỤC CẢM XÚC XÃ HỘI NHẪM ĐỊNH HƯỚNG HỌC SINH LỚP 12 SỬ DỤNG AI TẠO SINH TỰ CHỦ VÀ CÓ TRÁCH NHIỆM

NGUYỄN HOÀNG BẢO UYÊN
NGUYỄN VŨ THÀNH TÂM
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,
Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 12/12/2025. Sửa chữa xong 20/01/2026. Duyệt đăng 05/02/2026.

Abstract

This study evaluates the effectiveness of applying Social and Emotional Learning (SEL) in Experiential Activities and Career Guidance (EACG) for Grade 12 students and examines its relationship with students' capacity for autonomous and responsible use of Generative AI (GenAI). The intervention was implemented with 82 students through EACG sessions. The results indicate that the mean score for social and emotional competence increased by 0.151 points, while the competence for autonomous and responsible GenAI use increased by 0.107 points. Spearman's correlation analysis revealed a statistically significant positive association between the two competencies ($r = 0.638$; $p < 0.001$), suggesting that students with stronger SEL foundations tend to demonstrate higher autonomy and responsibility when using GenAI.

Keywords: Autonomous GenAI use, Experiential Activities and Career Guidance, Generative AI, responsible GenAI use, Social and Emotional Learning.

1. Đặt vấn đề

Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự bùng nổ của GenAI như ChatGPT đã mang lại cơ hội học tập cá nhân hóa nhưng cũng đặt ra thách thức lớn cho giáo dục toàn cầu. Tại Việt Nam, xu thế này được khẳng định qua Nghị quyết 71/NQ-TW với mục tiêu nâng cao năng lực AI trong trường phổ thông (Nguyễn Khôi, 2025) [14]. Thực tế, khoảng 62% học sinh (HS) trung học phổ thông đang sử dụng ChatGPT trong học tập và giải tỏa căng thẳng (Cao Nguyên, 2025) [2], điều này cũng tác động trực tiếp đến HS lớp 12 vì đây là giai đoạn chuyển tiếp quan trọng nhằm thích ứng và phát huy tư duy độc lập và tự học cao ở bậc học sau. Do đó, nếu thiếu định hướng, HS dễ rơi vào tình trạng lệ thuộc và GenAI.

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng việc lạm dụng GenAI làm suy giảm tư duy phản biện, sáng tạo và trí nhớ dài hạn. Bên cạnh đó, sự phụ thuộc này còn gây cô lập cảm xúc, hạn chế giao tiếp xã hội (MIT Media Lab, 2025) [13], đồng thời gia tăng nguy cơ vi phạm liêm chính học thuật như đạo văn, gian lận (Sullivan và cộng sự, 2023) và tiếp nhận các định kiến sai lệch (Fang và cộng sự, 2025) [9]. Mặc dù các văn bản pháp lý tại Việt Nam đều nhấn mạnh nguyên tắc sử dụng AI "lấy con người làm trung tâm" và có trách nhiệm nhưng việc triển khai thực tế tại các trường phổ thông còn hạn chế, thiếu khung năng lực cụ thể và giải pháp tích hợp bài bản. Trước thực trạng đó, khung năng lực Cảm xúc - xã hội (SEL) theo mô hình CASEL 5 được xem là hướng tiếp cận phù hợp, giúp HS rèn luyện các năng lực liên quan đến bản thân và cộng đồng và phát huy năng lực sử dụng GenAI. Đặc biệt, hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTĐN-HN) với tính mở, linh hoạt và gắn liền thực tiễn (Đinh Thị Kim Thoa và cộng sự, 2019) [7] nên được xem là môi trường thuận lợi nhất để lồng ghép nội dung này. Vì vậy, nghiên cứu tập trung vào việc ứng dụng SEL trong HĐĐN-HN nhằm định hướng HS lớp 12 sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm.

Email: thanhtram@hcmussh.edu.vn

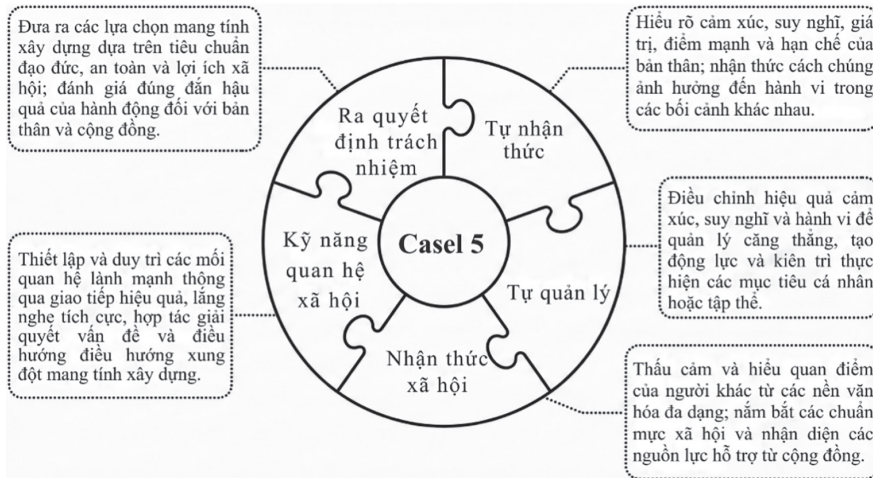
DOI: 10.64410/SOSO1139

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm về SEL và khung năng lực CASEL 5

Giáo dục Cảm xúc - xã hội (SEL) được CASEL (2020) [3] định nghĩa là quá trình tiếp thu kiến thức, kỹ năng và thái độ thiết yếu để quản lý cảm xúc, thiết lập mục tiêu, duy trì các mối quan hệ tích cực và ra quyết định có trách nhiệm. Theo UNESCO (2024) [19] cũng nhấn mạnh SEL là quá trình học tập toàn diện dựa trên đạo đức chăm sóc, kết hợp giữa nhận thức và cảm xúc nhằm thúc đẩy sức khỏe tinh thần và vai trò công dân toàn cầu. Để cụ thể hóa các mục tiêu giáo dục, Tổ chức CASEL đã phát triển khung năng lực CASEL 5, bao gồm:

Biểu đồ 1: Khung năng lực CASEL 5 (CASEL, 2020) [3]



Như vậy, khung năng lực CASEL 5 cung cấp một công cụ định hướng cụ thể, giúp giáo viên (GV) và HS nhận diện rõ ràng các yêu cầu về hành vi và kỹ năng cần đạt được. Nhờ đó, SEL không chỉ hỗ trợ phát triển cá nhân mà còn đóng vai trò nền tảng giúp HS thích ứng và hợp tác hiệu quả trong bối cảnh hiện đại.

2.2. Khái niệm về sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm

Đầu tiên, sử dụng GenAI tự chủ là năng lực duy trì tư duy độc lập, coi AI là công cụ hỗ trợ thay vì thay thế sự sáng tạo. Điều này đòi hỏi người học phải rèn luyện tư duy phản biện và tự nhận thức về ưu, nhược điểm của công cụ để điều chỉnh hành vi phục vụ mục tiêu phát triển cá nhân (Nurhamimah, 2025) [15]. Thứ hai, sử dụng GenAI có trách nhiệm đặt trọng tâm vào vai trò đạo đức và lợi ích xã hội (Fu & Weng, 2024) [11]. Người dùng cần nhận diện thiên kiến dữ liệu, tôn trọng quyền riêng tư và tuân thủ liêm chính học thuật (Feldman và cộng sự, 2024) [10]. Theo đó, UNESCO (2025) [20] nhấn mạnh HS phải chịu trách nhiệm cuối cùng về nội dung do AI tạo ra, tránh phó mặc quyết định cho thuật toán. Như vậy, tự chủ và trách nhiệm là hai khía cạnh bổ trợ lẫn nhau, tạo nên năng lực toàn diện. Sự kết hợp này giúp HS vừa kiểm soát công cụ để phát triển tư duy sáng tạo, vừa đảm bảo các chuẩn mực đạo đức và liêm chính trong môi trường học thuật.

2.3. Mối liên hệ giữa SEL và việc sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm trong hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp

Sự hợp tác giữa CASEL và Common Sense Media đã mở rộng phạm vi áp dụng của SEL vào không gian số, định hướng hành vi HS trong các tình huống phức tạp như sử dụng GenAI. Trong bối cảnh này, các thành tố của SEL đóng vai trò nền tảng giúp hình thành năng lực công nghệ toàn diện. Cụ thể, năng lực Tự nhận thức yêu cầu HS phân tư về động lực sử dụng, nhận diện đúng giới hạn của công nghệ để tránh phụ thuộc và duy trì tư duy độc lập (Unaldi, 2025) [18]. Năng lực Tự quản lý giúp người học kiểm soát các xung động muốn “đi tắt”, chủ động lựa chọn GenAI như một công cụ hỗ trợ thay vì thay thế hoàn toàn sức lao động (Unaldi, 2025) [18]. Bên cạnh đó, Nhận thức xã hội và Kỹ năng

xây dựng quan hệ buộc HS cân nhắc tác động của hành vi đến tính công bằng và niềm tin học thuật. Cuối cùng, Ra quyết định có trách nhiệm đóng vai trò kết nối, giúp HS đánh giá lợi ích, rủi ro đạo đức để đưa ra lựa chọn sử dụng GenAI đúng đắn (Unaldi, 2025) [18]. Để hiện thực hóa các định hướng trên, HĐTN-HN được xác định là môi trường giáo dục tối ưu nhờ tính linh hoạt và thực tiễn. Mặc dù chưa có văn bản chính thức về chương trình tích hợp nhưng mục tiêu của HĐTN-HN theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 có sự tương đồng mạnh mẽ với các năng lực CXXH cốt lõi (Lưu Thu Thủy và cộng sự, 2023) [8]. Cả hai đều nhấn mạnh quy trình học dựa trên trải nghiệm, giúp HS vận dụng kỹ năng vào thực tế, rèn luyện hành vi và hình thành giá trị (Pelliccio, 2023) [16]. Thông qua các hoạt động lập kế hoạch, theo dõi tiến độ, xử lý tình huống và tương tác trực tiếp trong giờ HĐTN-HN, HS không chỉ phát triển năng lực cảm xúc mà còn nhận thức rõ các nguy cơ khi sử dụng GenAI thiếu kiểm soát. Chính môi trường mở của HĐTN-HN đã tạo điều kiện thuận lợi để lồng ghép SEL, từ đó hình thành nền tảng vững chắc giúp HS sử dụng GenAI một cách tự chủ và có trách nhiệm, dù đây không phải là môn học chuyên về công nghệ.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai và thu thập dữ liệu từ GV và HS lớp 12 trong thời gian 2 tuần từ ngày 08 đến ngày 21 tháng 9 năm 2025 tại trường THPT BA. Trong đó, trước thực nghiệm bên cạnh khảo sát HS, nghiên cứu phỏng vấn sâu 3 GV để đánh giá thực trạng dạy - học về SEL và GenAI. Sau thực nghiệm, 82 HS thực hiện lại bài khảo sát, kết hợp phỏng vấn sâu 7 em nhằm đánh giá sự thay đổi và hiệu quả của chuỗi hoạt động ứng dụng SEL và GenAI. Trong nghiên cứu này nhằm đảm bảo tuân thủ đạo đức nghiên cứu khoa học và thực hiện cam kết bảo mật, danh tính của trường thực nghiệm được mã hóa nhằm bảo vệ quyền riêng tư và tránh mọi khả năng nhận diện ngoài ý muốn.

3.2. Thang đo khảo sát

Qua khảo sát cho ta số liệu ở bảng 1.

Bảng 1: Kiểm định độ tin cậy

Biến quan sát	ĐTB nếu loại biến	Phương sai nếu loại biến	Tương quan biến - tổng đã hiệu chỉnh	Cronbach's Alpha nếu loại biến
(1) Thang đo năng lực CXXH (Cronbach's Alpha = 0.890)				
Tự nhận thức bản thân	18.9172	4.265	0.732	0.868
Tự quản lý bản thân	19.2315	4.270	0.670	0.877
Nhận thức xã hội	18.8953	4.022	0.731	0.867
Xây dựng các mối quan hệ	19.0807	4.241	0.587	0.892
Ra quyết định có trách nhiệm	18.6977	4.112	0.649	0.882
Trung bình năng lực CXXH	19.0321	4.124	0.976	0.839
(2) Khả năng sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm (Cronbach's Alpha = 0.864)				
Kiến thức và khả năng sử dụng GenAI trong việc học	19.6600	4.926	0.501	0.867
Nhận thức về đạo đức khi sử dụng GenAI trong học tập	19.6179	4.727	0.603	0.851
Tự quản lí và ra quyết định độc lập khi dùng GenAI	19.6610	4.470	0.676	0.838
Khả năng điều chỉnh cảm xúc khi sử dụng GenAI	19.7586	3.950	0.755	0.823
Xây dựng mối quan hệ xã hội độc lập với GenAI	19.7352	4.355	0.566	0.863
Trung bình khả năng sử dụng GenAI	19.6742	4.426	0.988	0.800

Nghiên cứu sử dụng 2 bảng hỏi định lượng trong khảo sát HS lớp 12: (1) Thang đo năng lực CXXH của HS lớp 12: Dựa theo Cheung và cộng sự (2024) [6], nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 điểm (1 - Hoàn toàn không đồng ý đến 5 - Hoàn toàn đồng ý) nhằm tăng độ nhạy cho phân tích thống kê. Sau khi rà soát và loại bỏ các mục hỏi trùng lặp, thang đo chính thức bao gồm 36 biến quan sát. Kết quả kiểm

định cho thấy độ tin cậy cao với hệ số Cronbach's Alpha toàn thang đo đạt 0.890; hệ số tương quan biến - tổng dao động từ 0.587 đến 0.732 (đều > 0.3). Như vậy, thang đo đảm bảo đủ điều kiện tin cậy để thực hiện các phân tích tiếp theo; (2) Thang đo khả năng sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm: Thang đo gồm 24 biến quan sát (Likert 5 điểm), được phát triển dựa trên khung CASEL 5 và tổng hợp từ các nghiên cứu bao gồm: (I) Kiến thức và Khả năng sử dụng (Biến 1-6) từ Carolus và cộng sự (2023) [4]; (II) Nhận thức đạo đức (Biến 7-13) kết hợp Carolus và cộng sự (2023) [4] và Tang và cộng sự (2025) [17]; (III) Tự quản lý và Ra quyết định (Biến 14-17) từ Carolus và cộng sự (2023) [4] và Chan & Zhou (2023) [5]; (IV) Điều chỉnh cảm xúc (Biến 18-21) từ Carolus và cộng sự (2023) [4] và Chan & Zhou (2023) [5]; (V) Xây dựng mối quan hệ hợp tác với GenAI (Biến 22-24) từ Chan & Zhou (2023) [5]. Kết quả kiểm định cho thấy độ tin cậy cao với hệ số Cronbach's Alpha đạt 0.864; hệ số tương quan biến - tổng dao động từ 0.501 đến 0.755 (đều > 0.3). Thang đo đảm bảo độ tin cậy để sử dụng cho các phân tích tiếp theo.

3.3. Thiết kế thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành trong 2 tuần với 82 HS lớp 12 mỗi lớp tham gia 3 tiết học HĐTN-HN về 3 chủ đề khác nhau. Quy trình gồm ba giai đoạn, trước thực nghiệm, khảo sát và giới thiệu khung khái niệm ban đầu. Trong quá trình thực nghiệm, triển khai chuỗi hoạt động giáo dục đã phê duyệt. Sau thực nghiệm, khảo sát đánh giá lại toàn bộ HS kết hợp phỏng vấn sâu 7 đại diện.

Chuỗi hoạt động trải nghiệm được thiết kế nhằm ứng dụng SEL và định hướng sử dụng GenAI. Hoạt động khởi động tập trung vào nhận diện cảm xúc để rèn luyện tự nhận thức, tự quản lý và xây dựng môi trường hòa nhập, sẵn sàng cho việc học (ISHCMC, 2024) [12]. Trong giờ học, thảo luận nhóm và tranh biện giúp phát triển kỹ năng quan hệ, tư duy đa chiều và ra quyết định có trách nhiệm, đặc biệt là việc đánh giá kết quả từ GenAI (ISHCMC, 2024 [12]; ACT for Youth, 2025 [1]). Kết thúc tiết học, hoạt động phản tư hỗ trợ HS hình thành năng lực tự giám sát (ACT for Youth, 2025) [1], đồng thời duy trì tư duy độc lập và kỷ luật tự giác trước công nghệ.

Phụ lục 1: Quá trình HS tham gia thực nghiệm



Như vậy, việc ứng dụng SEL trong HĐTN-HN 12 không chỉ tổ chức các hoạt động học tập mà còn định hướng HS hình thành nhận thức và điều chỉnh hành vi khi sử dụng GenAI, góp phần xây dựng văn hóa số lành mạnh, sử dụng GenAI minh bạch, có ý thức và phù hợp chuẩn mực đạo đức trong trường học.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định cặp kết quả trước - sau thực nghiệm về năng lực Cảm xúc - xã hội và khả năng sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm của học sinh lớp 12

Bảng 2: Kết quả kiểm định cặp kết quả trước và sau thực nghiệm

Cặp	Biến	HTB	ĐLC	SSC	95% (Dưới - Trên)	t	Sig. (2-tailed)
1	Năng lực CXXH (Trước - Sau)	-0.151	0.566	0.062	-0.275 -0.026	-2.413	0.018
2	Khả năng sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm (Trước - Sau)	-0.107	0.234	0.026	-0.158 -0.055	-4.138	0.000

Kết quả kiểm định cặp cho thấy điểm trung bình năng lực CXXH tăng 0,151 điểm ($t = -2.413, p = 0.018$), khẳng định sự thay đổi có ý nghĩa thống kê. Sự cải thiện này cũng được ghi nhận qua phỏng vấn khi 6/7 HS thể hiện khả năng tương tác và hợp tác tốt hơn, HS1 phát triển tự nhận thức và suy ngẫm xã hội. HS3, HS4, HS5 biết nhận diện cảm xúc người khác để điều chỉnh hành vi phù hợp. Mặc dù vậy, hệ số Cohen's $d = 0.27$ cho thấy mức độ ảnh hưởng chỉ ở mức nhỏ, phản ánh bước đầu thay đổi của năng lực CXXH.

Khả năng sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm tăng 0.107 điểm ($t = -4.18, p < 0.001$), khẳng định sự cải thiện có ý nghĩa thống kê rất cao. Kết quả này được củng cố qua phỏng vấn sâu, toàn bộ 7/7 HS nắm vững kiến thức nền tảng và đạo đức an toàn, trong đó 6/7 em thể hiện rõ sự kiểm soát và duy trì tư duy độc lập khi sử dụng công cụ. Hệ số Cohen's $d = 0.46$ cho thấy mức ảnh hưởng trung bình, phản ánh sự thay đổi tích cực vừa phải của người học sau thực nghiệm.

Tổng thể, kết quả cho thấy HS lớp 12 nâng cao năng lực CXXH và khả năng sử dụng GenAI một tự chủ và có trách nhiệm sau khi tham gia chương trình HĐTĐN-HN có ứng dụng SEL. Tuy nhiên, tác động còn tương đối do đặc thù phát triển năng lực, thời gian thực nghiệm ngắn và hiệu ứng tái định chuẩn khiến HS đánh giá năng lực khắt khe hơn sau thực nghiệm.

4.2. Phân tích mối tương quan của năng lực Cảm xúc - xã hội và khả năng sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm của học sinh lớp 12

Qua phân tích cho ta số liệu ở bảng 3.

Bảng 2: Kết quả phân tích Spearman

Mối tương quan của năng lực CXXH		Năng lực CXXH	Khả năng sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm
Hệ số tương quan Spearman	Năng lực CXXH sau	Hệ số tương quan	1.000
		Sig. (2-tailed)	.000
	Khả năng sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm	Hệ số tương quan	0.68**
		Sig. (2-tailed)	0.000

Chú thích: (**. Tương quan có ý nghĩa ở mức 0.01 (hai phía))

Phân tích tương quan Spearman trên 82 HS cho thấy mối quan hệ mạnh ($r = 0.68, p < 0.001$), trong đó năng lực CXXH giải thích 40.7% ($R^2 = 0.407$) biến thiên hành vi sử dụng GenAI. Điều này khẳng định HS có nền tảng SEL tốt thường tự chủ và trách nhiệm hơn khi tiếp cận công nghệ. Dữ liệu phỏng vấn củng cố kết quả này khi 6/7 HS ghi nhận SEL giúp phát triển Tự nhận thức và Tự quản lý, coi GenAI là công cụ hỗ trợ thay vì phụ thuộc. Về khía cạnh đạo đức và xã hội, 5/7 em chú trọng kiểm tra nguồn tin (như HS5, HS6 nhấn mạnh bản quyền), trong khi HS1, HS3, HS4 ưu tiên tương tác trực tiếp trước khi sử dụng công nghệ.

Những thông tin này cho thấy có mối quan hệ tương quan có ý nghĩa thống kê giữa năng lực CXXH và khả năng sử dụng GenAI của HS lớp 12 được chấp nhận và kết quả cũng khẳng định mối quan hệ giữa hai biến là đáng tin cậy về mặt thống kê.

4.3. Kết quả hồi quy các thành tố SEL có tác động đến khả năng sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm

Qua phân tích cho ta số liệu ở bảng 4.

Bảng 4: Kết quả hồi quy của các thành tố

Thành tố SEL	Biến phụ thuộc	Hệ số Beta	Sig.	R ²
Tự nhận thức bản thân	Kiến thức và khả năng sử dụng GenAI trong học tập	0.404	0.000	0.389
Nhận thức xã hội		0.292	0.009	0.389

Tự nhận thức bản thân	Đạo đức sử dụng GenAI	0.280	0.024	0.235
Nhận thức xã hội		0.263	0.034	0.235
Tự nhận thức bản thân	Khả năng tự quản lý và ra quyết định độc lập khi dùng GenAI	0.448	0.000	0.201
Tự nhận thức bản thân	Khả năng điều chỉnh cảm xúc khi sử dụng GenAI	0.408	0.000	0.365
Tự quản lý bản thân	Khả năng xây dựng mối quan hệ xã hội độc lập với GenAI	0.271	0.015	0.365
Tự nhận thức bản thân		0.324	0.003	0.105

Kết quả phân tích hồi quy ở bảng trên cho thấy Tự nhận thức ($\beta = 0,404$; $p = 0,000$) và Nhận thức xã hội ($\beta = 0,292$; $p = 0,009$) tác động tích cực tới kiến thức và khả năng sử dụng GenAI, giải thích 38,9% biến thiên ($R^2 = 0,389$), khẳng định vai trò nổi bật của hai năng lực này. Với đạo đức sử dụng GenAI, Tự nhận thức ($\beta = 0,280$; $p = 0,024$) và Nhận thức xã hội ($\beta = 0,263$; $p = 0,034$) tác động tích cực, giải thích 23,5% biến thiên ($R^2 = 0,235$). Đối với tự quản lý và ra quyết định độc lập, chỉ Tự nhận thức có ý nghĩa thống kê ($\beta = 0,448$; $p = 0,000$; $R^2 = 0,201$), khẳng định vai trò trung tâm của năng lực này.

Đối với khả năng điều chỉnh cảm xúc khi sử dụng GenAI, Tự nhận thức ($\beta = 0,408$; $p = 0,000$) và Tự quản lý ($\beta = 0,271$; $p = 0,015$) đều ảnh hưởng tích cực, giải thích 36,5% biến thiên ($R^2 = 0,365$). Ngược lại, với khả năng xây dựng mối quan hệ xã hội độc lập với GenAI, Tự nhận thức chỉ tác động hạn chế ($\beta = 0,324$; $p = 0,003$; $R^2 = 0,105$), cho thấy năng lực này còn chịu ảnh hưởng từ môi trường học tập, văn hóa lớp và cơ hội tương tác trực tiếp.

Tổng hợp các mô hình hồi quy khẳng định Tự nhận thức là yếu tố nền tảng có ảnh hưởng mạnh và ổn định nhất. Sự kết hợp giữa năng lực này và Nhận thức xã hội giúp dự báo tốt kiến thức và hành vi đạo đức, trong khi các năng lực còn lại đòi hỏi quá trình bồi dưỡng lâu dài hơn. Kết quả đó tương thích với dữ liệu phỏng vấn, bên cạnh việc ghi nhận lợi ích công cụ, 5/7 HS cảnh báo nguy cơ phụ thuộc (tự nhận thức) và bày tỏ lo ngại về thông tin sai lệch hay công bằng học đường (nhận thức xã hội). Nhìn chung, giả thuyết về tác động tích cực của các thành tố SEL đến khả năng sử dụng GenAI được chấp nhận, dù mức độ ảnh hưởng giữa chúng là khác nhau.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Nghiên cứu làm rõ vai trò của SEL trong việc định hướng HS sử dụng GenAI tự chủ và có trách nhiệm tại trường THPT ở TP. Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy ứng dụng SEL vào HĐTN-HN lớp 12 giúp HS phát triển tự giám sát, ra quyết định có trách nhiệm, nhận thức tác động hành vi với cộng đồng, đồng thời rèn luyện tư duy đạo đức và phản tư khi sử dụng GenAI. Trên cơ sở lý luận, nghiên cứu xây dựng khung liên ngành kết hợp năng lực CASEL 5 với bối cảnh GenAI, xác định HĐTN-HN là môi trường phù hợp để lồng ghép SEL nhờ tính linh hoạt, gắn kết thực tiễn và khả năng trải nghiệm, rèn luyện và áp dụng kỹ năng trong tình huống thực tế.

5.2. Khuyến nghị

Ban giám hiệu nhà trường cần giữ vai trò trung tâm trong việc triển khai SEL tích hợp định hướng sử dụng GenAI, kiến tạo cơ chế, môi trường và định hướng thực hiện. Nhà trường cần tổ chức các chương trình tập huấn chuyên sâu, định kỳ về SEL và GenAI, lồng ghép vào sinh hoạt chuyên môn thường xuyên cho GV. Đồng thời, ban hành khung hướng dẫn và tiêu chí đánh giá cụ thể, điều chỉnh thời gian cho các dự án dài hạn và duy trì văn hóa liên chính học thuật bằng quy định rõ ràng về phạm vi và cách sử dụng GenAI cho GV và HS.

Giáo viên cần đồng hành trong các hoạt động SEL tích hợp GenAI, hướng dẫn HS hình thành năng lực sử dụng công cụ có ý thức và trách nhiệm, ưu tiên tự nhận thức, tự đánh giá nhu cầu và mục tiêu học tập trước khi dùng AI. GV cũng cần kiên trì hỗ trợ HS rèn luyện tự quản lý và điều chỉnh cảm xúc qua luyện tập có chủ đích, kết hợp thảo luận nhóm và tranh biện, đảm bảo GenAI chỉ là công cụ hỗ trợ, không thay thế hợp tác trong học tập.

Học sinh lớp 12 cần sử dụng GenAI chủ động và có kiểm soát, ưu tiên tư duy độc lập trước khi nhờ đến GenAI, tự xây dựng ý tưởng và đánh giá trung thực hạn chế về quản lý thời gian, cảm xúc và hành vi. Đồng thời, HS cần ưu tiên tương tác trực tiếp với GV và bạn bè để kiểm chứng và mở rộng thông tin, coi GenAI là công cụ hỗ trợ học tập, kết hợp phản biện và học hỏi nhằm phát triển tư duy phân tích và năng lực ra quyết định.

Tài liệu tham khảo

- [1] Act for Youth. (n.d.). *Social and Emotional Learning (SEL) Toolkit*. <https://actforyouth.org/program-toolkit/ya-activities/sel/>.
- [2] Cao Nguyễn (2025). *Học sinh trung học phổ thông đang sử dụng ChatGPT vào những việc gì?*. Nguồn: <https://giaoduc.net.vn/hoc-sinh-thpt-dang-su-dung-chatgpt-vao-nhung-viec-gi-post250253.gd>, ngày 20/02/2025.
- [3] CASEL. (2020). *CASEL's SEL framework: What are the core competence areas and where are they promoted?* CASEL. <https://casel.org/fundamentals-of-sel/what-is-the-casel-framework/>.
- [4] Carolus, A., Koch, M., Straka, S., Latoschik, M. E., & Wienrich, C. (2023). *MAILS - Meta AI Literacy Scale: Development and testing of an AI literacy questionnaire based on well-founded competency models and psychological change- and meta-competencies*. *arXiv*. <https://doi.org/10.48550/arXiv.2302.09319>.
- [5] Chan, C. K. Y., & Zhou, W. (2023). *Deconstructing student perceptions of generative AI (GenAI) through an expectancy value theory (EVT)-based instrument*. *arXiv*. <https://doi.org/10.48550/arXiv.2305.01186>.
- [6] Cheung, R. Y. M., & Ng, O. O. S. (2024). *Social-emotional competence among school-aged children in the Chinese context: Validation of the Washoe County School District Social-Emotional Competency Assessment*. *Behavioral Sciences*, 14(5), 399. <https://doi.org/10.3390/bs14050399>.
- [7] Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên), Nguyễn Thị Bích Liên, Vũ Phương Liên, Lại Thị Yến Ngọc, Trần Thị Quỳnh Trang (2019). *Tài liệu tìm hiểu chương trình Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (Trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018)*. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [8] Lưu Thu Thủy, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn Cầu, Đỗ Thị Thanh Hương, Trần Thị Tố Oanh (2024). *Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 12 (Kết nối tri thức với cuộc sống)*. NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- [9] Fang, X., Che, S., Mao, M., Zhang, H., Zhao, M., & Zhao, X. (2023). *Bias of AI-Generated Content: An Examination of News Produced by Large Language Models*. *SSRN Electronic Journal*. <https://doi.org/10.2139/ssrn.4574226>.
- [10] Feldman-Maggor, Y., Cerratto-Pargman, T., & Viberg, O. (2024). *Seeing the forest from the trees: Unveiling the landscape of generative AI for education through six evaluation dimensions*. In R. Ferreira Mello, N. Rummel, I. Jivet, G. Pishtari, & J. A. Ruipérez Valiente (Eds.). *Technology enhanced learning for inclusive and equitable quality education* (pp. 154-168). Springer. https://doi.org/10.1007/978-3-031-72312-4_12.
- [11] Fu, Y., & Weng, Z. (2024). *Navigating the ethical terrain of AI in education: A systematic review on framing responsible human-centred AI practices*. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 5, 100306. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2024.100306>.
- [12] International School Ho Chi Minh City (ISHCMC). (2024). *9 engaging social emotional learning activities*. *International School Ho Chi Minh City*. <https://www.ishcmc.com/news-and-blog/social-and-emotional-learning-activities/>
- [13] MIT Media Lab. (2025). *ChatGPT may be making us lonelier*. *Fast Company*. <https://www.media.mit.edu/articles/chatgpt-may-be-making-us-lonelier/>.
- [14] Nguyễn Hoài (2025). *Định hướng tương lai giáo dục bằng trí tuệ nhân tạo*. Nguồn: <https://nhandan.vn/dinh-huong-tuong-lai-giao-duc-bang-tri-tue-nhan-cao-post911933.html>, ngày 01/10/2025.
- [15] Nurhamimah. (2025). *The use of AI by elementary teacher education students: Between innovation and dependency*. *Journal of Classroom Action Research*, 4(2). <https://journal.eltaorganization.org/index.php/jcar>.
- [16] Pelliccio, J. (2023, March 28). *5 Meaningful, Standards-Based SEL Activities for the Classroom*. CASEL. <https://casel.org/blog/5-meaningful-standards-based-sel-activities-for-the-classroom/>.
- [17] Tang, X., Chen, S., Cheng, Y., Chawla, N. V., Metoyer, R., & Ambrose, G. A. (2025). *Understanding student attitudes and acceptability of GenAI tools in higher ed: Scale development and evaluation*. *arXiv*. <https://arxiv.org/abs/2508.01926>.
- [18] Unaldi Kamel, B. (2025, October 1). *Co-Authoring school policy for AI: How to use SEL to navigate digital citizenship*. CASEL. <https://casel.org/blog/co-authoring-school-policy-for-ai-how-to-use-sel-to-navigate-digital-citizenship/>.
- [19] UNESCO. (2024, December 23). *What you need to know about social and emotional learning*. <https://www.unesco.org/en/articles/what-you-need-know-about-social-and-emotional-learning>.
- [20] UNESCO. (2025). *AI competency framework for students (ED/557/2)*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000393795>.